

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27/01/2022

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Triệu Thúy Hà;**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Thị Đông;**

2. Bà **Hoàng Thị An.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Minh Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa: Ông **Vũ Văn Thế** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 430/2021/TLST-HNGĐ ngày 18/10/2021 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-DS ngày 03/01/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-DS ngày 20/01/2022 giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Đặng Thị H, sinh năm 1986.**

Hộ khẩu thường trú: Tổ 46, thị trấn Đông A, huyện Đông A, TP. Hà N.

- Bị đơn: Ông **Hoàng Xuân H, sinh năm 1976.**

Hộ khẩu thường trú: Tổ 46, thị trấn Đông A, huyện Đông A, TP. Hà N.

Có mặt: Nguyên đơn.

Vắng mặt: Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong Đơn khởi kiện đề ngày 14/9/2021, Bản tự khai đề ngày 20/10/2021 nguyên đơn bà Đặng Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị H và ông Hoàng Xuân H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đông A, huyện Đông A, thành phố Hà N ngày 13/10/2006. Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc. Đến

những năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, hai vợ chồng thường xuyên gây gổ với nhau do bất đồng quan điểm sống. Gia đình hai bên cũng khuyên răn, vun vén, bản thân hai vợ chồng cũng đã cố gắng hoà giải, tìm cách tháo gỡ nhưng mâu thuẫn vẫn không thuyên giảm, không thể kìm chế được nổi bức xúc mỗi khi chung sống trong cùng một mái nhà. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà H đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

- **Về con chung:** Bà H và ông H có hai con chung là Hoàng Tuấn M, sinh ngày 02/10/2007; Hoàng Tuấn A, sinh ngày 02/3/2012. Hiện tại, hai con đang ở cùng với bà tại địa chỉ: Tổ 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Bà H hiện đang công tác tại Công ty Cổ phần đầu tư tập đoàn N, mức lương 15.000.000 đồng/tháng. Khi ly hôn, các con chung đều có nguyện vọng được ở cùng với mẹ, bản thân bà H cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con. Về mức cấp dưỡng nuôi con chung bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp:** Bà H, ông H không có tranh chấp gì, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng cho thấy, ông Hoàng Xuân H đã nắm rõ thông tin về vụ án nhưng từ bỏ quyền tham gia tố tụng mặc dù Tòa án nhiều lần tổng đạt văn bản tố tụng ông H.

** Xác minh tại gia đình chị Đặng Thị H do ông Đặng Xuân Hạnh – bố đẻ của chị Hương có ý kiến:* Về thời điểm, điều kiện kết hôn như nguyên đơn trình bày. Mâu thuẫn vợ chồng bà H đã xảy ra từ lâu, không rõ nguyên nhân, đến thời điểm này không thể hoá giải được. Ông Hạnh đề nghị Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung: Bà H ông H có hai con chung, hiện hai cháu đang sống với bà H. Trường hợp ly hôn, ông đề nghị giao mỗi người nuôi một con để bà H đỡ vất vả.

** Xác minh tại gia đình ông Hoàng Xuân H, đại diện là bà Lê Huyền Trang – mẹ đẻ ông H có ý kiến:*

Bà Đặng Thị H, ông Hoàng Xuân H kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đông Anh theo đúng quy định của pháp luật. Bà Trang xác định ông H, bà H có mâu thuẫn từ khi bà H chuyển công việc mới vào khoảng năm 2020. Mâu thuẫn trầm trọng là từ tháng 8/2021. Do công việc của bà H thường xuyên phải sử dụng điện thoại. Ông H yêu cầu bà H chuyển công việc khác nhưng bà H không đồng ý. Khoảng 8/2021 hoặc tháng 9/2021, bà H

chuyển đến nhà họ hàng ở tại Khu nhà máy ô tô 1/5. Nay, vợ chồng ông H bà H ly hôn là do ông bà tự quyết định.

Về con chung: Nên giao cháu Tuấn A cho ông H nuôi vì cháu còn bé, giao cháu Tuấn Minh giao cho bà H nuôi để bà đỡ vất vả.

Về tài sản chung, nợ chung của ông H, bà H: Không có.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Đặng Thị H giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Hoàng Xuân H.

Về con chung: Bà H yêu cầu được nuôi cả hai con chung là Hoàng Tuấn M, sinh ngày 02/10/2007; Hoàng Tuấn A, sinh ngày 02/3/2012, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con;

Tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Nguyên đơn bà H xác định vợ chồng ông bà không có tài sản chung, nợ chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

+ Việc thụ lý vụ án: Thẩm phán thụ lý vụ án đúng theo quy định tại Điều 195 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015

- Về quan hệ tranh chấp: Sau khi nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án huyện Đông Anh đã xác định quan hệ Hôn nhân và gia đình - Tranh chấp ly hôn theo quy định tại Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc phạm vi giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh theo Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về xác định tư cách tham gia tố tụng: Đã xác định đầy đủ tư cách tham gia tố tụng của các đương sự theo Điều 68 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015

+ Về tổng đạt các văn bản tố tụng: Tòa án nhân dân thông báo về việc thụ lý vụ án và gửi thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp, nguyên đơn, bị đơn đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015.

+ Việc thu thập chứng cứ: đã được thực hiện theo đúng quy định tại các Điều 97 đến 106 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015

+ Việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng: Đã tuân theo quy định tại Điều 170 đến Điều 181 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015

+ Việc tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại: Đã tuân theo quy định tại Điều 208 đến Điều 211 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015.

+ Về thời hạn chuẩn bị xét xử và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát:

- Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại Điều 203 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015.

- Việc chuyển hồ sơ vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử đến Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh đúng quy định tại điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

+ Thư ký đã thực hiện đúng quyền hạn, nhiệm vụ của mình theo qui định tại Điều 239 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015.

+ Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định tại Điều 239, 240, 241, 242, 247, 254, 259 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 186, 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015.

- Đối với bị đơn: Vắng mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại các phiên hòa giải, cuộc họp tiếp cận, công khai chứng cứ vi phạm quy định tại Điều 70, 71, 186, 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung:

Đề nghị Tòa án tuyên :

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Đặng Thị H.

+ Về con chung: Bà Đặng Thị H và ông Hoàng Xuân H có hai con chung là Hoàng Tuấn M, sinh ngày 02/10/2007; Hoàng Tuấn A, sinh ngày 02/3/2012. Giao hai cháu Hoàng Tuấn M, cháu Hoàng Tuấn A cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con đối với ông Hoàng Xuân H.

+ Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, bà H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:**

Bà Đặng Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn, đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông H có nơi cư trú tại địa bàn huyện Đông Anh, như vậy thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân huyện Đông Anh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục giải quyết vắng mặt bị đơn: Ông Hoàng Xuân H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông H vắng mặt. Tại phiên tòa, ông H vắng mặt đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] **Về nội dung vụ án:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị H và ông Hoàng Xuân H kết hôn vào ngày 13/10/2006 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Như vậy, hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, xung đột về quan điểm sống, cách nhìn nhận về các mối quan hệ trong công việc làm ăn, dù vợ chồng và gia đình hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không thể đoàn tụ. Vợ chồng ông bà không chung sống dưới một mái nhà từ khoảng tháng 8/2021 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nguyên đơn bà H khẳng định không còn tình cảm với ông H, cương quyết yêu cầu ly hôn. Việc hoà giải tại Tòa án không thể thực hiện được do bị đơn không chấp hành pháp luật tố tụng dân sự.

Kết quả xác minh đều thể hiện vợ chồng có mâu thuẫn, không còn chung sống cùng nhau, không ai quan tâm đến ai.

Xét thấy: Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc trên cơ sở tình yêu, tôn trọng, giúp đỡ lẫn nhau giữa vợ chồng. Hôn nhân của ông H bà H tồn tại mâu thuẫn không thể hoá giải, tình cảm của bà H đối với ông H không còn. Hai bên không thể hiện sự mong muốn đoàn tụ. Bản thân ông H cũng không thiện chí tham gia hoà giải tại Tòa án, không thể hiện mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Đây là căn cứ xác định tình cảm đôi bên không còn nên không thiện chí hoà giải mặc dù đã được thông báo tham gia phiên họp hoà giải tại Tòa án, không còn muốn cố gắng để đoàn tụ. Như vậy, có thể coi mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông H là có căn cứ, được chấp nhận.

Về con chung: Bà Đặng Thị H, ông Hoàng Xuân H có hai con chung là Hoàng Tuấn M, sinh ngày 02/10/2007; Hoàng Tuấn A, sinh ngày 02/3/2012. Bà H có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai cháu; hiện tại, bà đang làm việc tại Công ty Cổ phần đầu tư tập đoàn N, mức lương 15.000.000 đồng/tháng. Bà H có hợp đồng thuê nhà để tạo nơi ăn ở cho ba mẹ con. Như vậy có thể coi là đủ điều kiện nuôi con chung.

Do ông Hoàng Xuân H không chấp hành pháp luật tố tụng dân sự, không cung cấp chứng cứ tài liệu, không có lời khai mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên Tòa án không có căn cứ để xem xét nguyện vọng và điều kiện nuôi con của ông H. Mặt khác, các con chung của ông bà đều đã trên 07 tuổi (bảy tuổi), được quyền lựa chọn việc sống cùng ai khi bố mẹ ly hôn. Cháu M, cháu Tuấn A đều có nguyện vọng được sống cùng mẹ khi bố mẹ ly hôn. Do vậy, căn cứ vào điều kiện và yêu cầu của các đương sự, nguyện vọng của các con chung, giao cháu Tuấn M và cháu Tuấn A cho bà H nuôi dưỡng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án.

Ông H có quyền đi lại, thăm non, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con đối với ông H do bà H không có yêu cầu cho đến khi có quyết định khác của Tòa án.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Bà H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông H không có yêu cầu về tài sản gửi Tòa án nên không xem xét giải quyết về tài sản chung.

Bà H và ông H có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng bằng một vụ án dân sự khác khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ :

- Điều 56; 81,82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình.
- Khoản 1 Điều 28, 35, 39; 203, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đặng Thị H, cho bà H được ly hôn với ông Hoàng Xuân H.

Về con chung: Giao cháu Hoàng Tuấn M, sinh ngày 02/10/2007 và cháu Hoàng Tuấn A, sinh ngày 02/3/2012 cho bà H nuôi dưỡng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án.

Ông H có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản;

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con đối với ông H do bà H không có yêu cầu cho đến khi có quyết định khác của Tòa án.

Về tài sản chung: Nguyên đơn bà Đặng Thị H không yêu cầu nên không giải quyết.

Dành quyền khởi kiện về tranh chấp tài sản chung sau ly hôn cho bà H, ông H bằng vụ án khác nếu anh chị có yêu cầu.

Về án phí: Bà Đặng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Ghi nhận bà Đặng Thị H đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2020/004592 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh nay chuyển thành án phí. Bà H đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Bà Đặng Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Hoàng Xuân H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đông Anh;
- UBND thị trấn Đông Anh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Triệu Thuý Hà

